

Bản án số: **17/2023/HSST**

Ngày: 22/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông, ông Nguyễn Hoàng Khôi.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS, ngày 28/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn B**, sinh ngày 28/9/1987; tại: tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký NKTT và trú tại: tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1948; Bị cáo là con thứ 7 trong gia đình có 7 anh em; Tiền án: Tại Bản án số 38/2017/HSST ngày 22/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 01 năm 03 tháng tù. Đã chấp hành hình phạt tù, chưa chấp hành án phí và trách nhiệm dân sự; Tiền sự: Ngày 09/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 181/2020/QĐ-TA. Từ tháng 11/2020 đến 28/11/2021 đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2023 sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:***

1. Phạm Thị Cẩm L, sinh ngày 30/10/2005; địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

2. Mai Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

3. Y T, sinh ngày 01/01/2007; địa chỉ: bon D, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

4. Hoàng Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

****/ Người giám hộ cho bị hại:***

1. bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Là người giám hộ cho bị hại Phạm Thị Cẩm L) (Vắng mặt)

2. ông Y D; địa chỉ: bon D, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Là người giám hộ cho bị hại Y T) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 25/12/2022, Trần Văn B đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 17 giờ ngày 21/12/2022, Trần Văn B đi từ bưu điện huyện Krông Nô về nhà bằng đường ven hồ thị trấn Đắk Mâm khi đi ngang qua nhà bà Trần Thị T, thấy xe máy biển kiểm soát (BKS) 48AC-020.37 của Phạm Thị Cẩm L để trước nhà bà Trần Thị T, không có người trông coi, Trần Văn B trộm cắp xe máy BKS 48AC-020.37 bằng cách rút dây điện phía đầu xe và nổ máy chạy ra khu vực chợ huyện Cư Jút bán cho một người đàn ông tên Tuấn (không xác định được nhân thân lai lịch) với giá 500.000 đồng, Trần Văn B dùng tiền đi mua ma túy để sử dụng.

Lần 2: Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 23/12/2022, thấy gia đình chị Mai Thị L không có ai ở nhà, Trần Văn B đã mở cổng lén lút vào bên trong sân lấy trộm xe máy BKS 81T1-5782 (xe không có vỏ nhựa, chỉ còn khung sườn), khi lấy xe không cần chìa khóa nhưng Trần Văn B đạp xe vẫn nổ máy rồi điều khiển xe mang ra bán cho ông Tuấn với giá 500.000 đồng rồi đi mua ma túy sử dụng.

Lần 3: Khoảng 05 giờ ngày 25/12/2022, Trần Văn B đi ngang qua nhà anh Bùi Hoàng Công thì thấy xe máy BKS 48F4-9998 của bà Hoàng Thị T không có người trông coi, chìa khóa còn cắm trên xe, Trần Văn B lấy xe máy BKS 48F4-9998 tiếp tục mang ra bán cho ông Tuấn với giá 500.000 đồng rồi đi mua ma túy sử dụng.

Ngoài 03 lần trộm cắp tài sản trên, ngày 28/12/2022 Trần Văn B còn thực hiện 01 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/12/2022, Trần Văn B đi bộ trên đoạn đường đập tràn xã Nam Đà thì gặp Y T và Y K đang ngồi câu cá, Trần Văn B đến nói chuyện và rủ Y T và Y K đi mua thịt chó về để nhậu, Y T và Y K đồng ý, Y T chở Trần Văn B bằng xe máy BKS: 47N9-0358 đi mua rượu và thịt chó về để nhậu, khi đến khu vực chợ chiều xã Nam Đà thì Trần Văn B nói với Y T “Để anh chạy xe cho chứ không xuống dưới kia Cảnh sát Giao thông họ bắt xe đó”, Y T đồng ý và đưa xe cho Trần Văn B điều khiển chở Y T đến quán thịt chó của ông Phạm Thái C, khi đến quán của ông Phạm Thái C, Y T đứng trước quán còn Trần Văn B vào trong quán nói ông Phạm Thái C làm cho 100.000 đồng tiền thịt chó rồi quay ra bảo Y T “Em đợi ở đây để lấy mồi, đưa xe cho anh mượn để đi mua rượu”, Y T đồng ý, Trần Văn B điều khiển xe máy BKS 47N9-0358 chạy xe ra huyện Cư Jút bán cho cho Tuấn với giá 500.000 đồng rồi đi mua ma túy sử dụng.

Ngày 06/01/2023, Trần Văn B ra Công an thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô tự thú toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Kết quả test ma túy, Trần Văn B dương tính với chất ma túy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 13/01/2023 của Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản huyện Krông Nô xác định: 01 xe máy BKS 48AC-020.37 tại thời điểm ngày 21/12/2022 có giá trị 9.636.300 đồng; 01 xe máy BKS 48F4-9998 tại thời điểm ngày 25/12/2022 có giá trị 500.000 đồng; 01 xe máy BKS 47N9-0358 tại thời điểm ngày 28/12/2022 có giá trị 1.750.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản huyện Krông Nô xác định: 01 xe máy BKS 81T1-5728 tại thời điểm ngày 23/12/2022 có giá trị 1.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-KrN ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Krông Nô để xét xử bị cáo Trần Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

**/ Về hình phạt:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Trần Văn B mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” và mức án tù 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án tù 02 năm 01 tháng đến 02 năm 09 tháng tù giam.

**/ Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị T số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Y T số tiền 5.000.000 đồng. Người bị hại chị Phạm Thị Cẩm L, bà Mai Thị L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

**/ Về vật chứng của vụ án:* Căn cứ Điều 106 của BLTTHS; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS:

- Đối với các tài sản mà bị cáo Trần Văn B đã chiếm đoạt do trong quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn B có được do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ xin Tòa án xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn B nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo một cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm sớm trở thành người công dân tốt, sống có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[2] Nhận định: Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 28/12/2022, Trần Văn B đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể: ngày 21/12/2022, trộm cắp của chị Phạm Thị Cẩm L xe máy BKS 48AC - 020.37 có giá trị định giá 9.636.300 đồng. Ngày 23/12/2022, trộm cắp của bà Mai Thị L xe máy BKS 81T1-5782 có giá trị định giá 1.000.000 đồng. Ngày 25/12/2022 trộm cắp của bà Hoàng Thị T xe máy BKS 48F4-9998 có giá trị định giá 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá 03 lần trộm cắp tài sản là 11.136.300 đồng. Ngày 28/12/2022, Trần Văn B thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe máy BKS: 47N9-0358 của anh Y T có giá trị định giá là 1.750.000 đồng.

Mặc dù có những lần giá trị tài sản trộm cắp số tiền dưới 2.000.000 đồng và số tiền chiếm đoạt tài sản dưới 4.000.000 đồng nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tại Bản án số 38/2017/HSST, ngày 22/11/2017 của TAND huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông (bị cáo chưa được xóa án tích) mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Như vậy, đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS là phù hợp. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên về mức hình phạt đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc để dành cho bị cáo mức án cho phù hợp, tương xứng với tính chất phạm tội của bị cáo.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của

người khác, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, lợi dụng lòng tin của người bị hại trong việc quản lý tài sản thực hiện hành vi chiếm đoạt. Do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Mặc dù bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, tuy nhiên vì khi khởi tố có 02 hành vi phạm tội do số tiền dưới 2.000.000 đồng và 01 hành vi chiếm đoạt số tiền dưới 4.000.000 đồng nên đã áp dụng tình tiết tái phạm là tình tiết định khung hình phạt. Tuy nhiên trong những lần trộm cắp này có 01 hành vi phạm tội với số tiền trên 2.000.000 đồng nên bị cáo vẫn phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS và phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình. Người bị hại bà Mai Thị Liên đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Tuy nhiên cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo học tập, lao động cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 09/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 181/2020/QĐ-TA. Từ tháng 11/2020 đến 28/11/2021 đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 175 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, người bị hại anh Y T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại vì vậy cần buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị T số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Y T số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp. Người bị hại chị Phạm Thị Cẩm L, bà Mai Thị L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của BLTTHS; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS:

- Đối với các tài sản mà bị cáo Trần Văn B đã chiếm đoạt do trong quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn B có được do phạm tội mà có cần truy thu sung ngân sách Nhà nước mới phù hợp.

[7] Trong vụ án này còn có những vấn đề sau:

- Đối với hành vi ngày 05/01/2023, Trần Văn B tự ý lấy xe máy BKS 48F5-3922 của bà Trần Thị H sau đó đem trả lại cho bà Trần Thị H, Trần Văn B không có mục đích chiếm đoạt, Cơ quan Công an huyện Krông Nô ra quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định.

- Đối với việc Trần Văn B mua ma túy của những người nghiện ma túy không rõ nhân thân lai lịch và người đàn ông tên Tuấn mua tài sản của Trần Văn B phạm tội không xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô tiếp tục xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điều 55 của BLHS, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 06/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho bà Hoàng Thị T số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Y T số tiền 5.000.000 đồng.

- Người bị hại chị Phạm Thị Cẩm L, bà Mai Thị L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của BLTTHS; Áp dụng Điều 46, Điều 47 của BLHS:

- Đối với các tài sản mà bị cáo Trần Văn B đã chiếm đoạt do trong quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn B có được do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn*) tiền án phí HSST và 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại, Người giám hộ cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người giám hộ cho người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng NVHS CA tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Krông Nô;
- Đội điều tra Công an huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

